

Số: 1423/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài chính được tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa của Bộ Tài chính và danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài chính không tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa của Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế Một cửa, Một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1720/QĐ-BTC ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Bộ Tài chính ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1865/QĐ-BTC ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính phê duyệt Đề án Đổi mới việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài chính được tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ

phận Một cửa của Bộ Tài chính và danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài chính không tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa của Bộ Tài chính.

Điều 2. Các đơn vị thuộc Bộ căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ trì xây dựng, công bố quy trình nội bộ giải quyết đối với các thủ tục hành chính được tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa của Bộ Tài chính; phối hợp với Cục Tin học và Thống kê tài chính xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính để thực hiện tích hợp trên Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin Một cửa điện tử của Bộ Tài chính.

Điều 3. Trên cơ sở quy trình nội bộ của các đơn vị, Cục Tin học và Thống kê tài chính chủ trì xây dựng, trình Bộ ban hành quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin Một cửa điện tử của Bộ Tài chính.

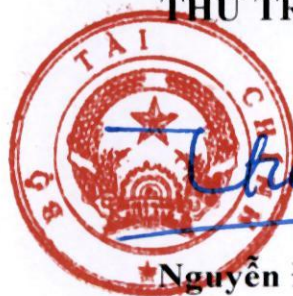
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 07/QĐ-BTC ngày 04/1/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa của Bộ Tài chính.

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Tin học và Thống kê tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *dv*

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ trưởng Hồ Đức Phớc (để b/c);
- Các đ/c Thứ trưởng;
- Công TTĐT Bộ Tài chính (để đăng tải công khai);
- Lưu: VT, VP (10b) *me*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Đức Chi

Phụ lục I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BỘ TÀI CHÍNH ĐƯỢC TIẾP NHẬN,
TRẢ KẾT QUẢ TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CỦA BỘ TÀI CHÍNH**

(Kèm theo Quyết định số 1423/QĐ-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Bộ Tài chính)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Đơn vị giải quyết
I	Lĩnh vực tin học		
1	2.002206	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	Cục Tin học và Thống kê tài chính
II	Lĩnh vực kế toán, kiểm toán		
2	1.007637	Thủ tục Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam	Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán
3	1.007636	Thủ tục Đăng ký kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán	Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán
4	1.007635	Thủ tục Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán (cấp lại)	Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán
5	1.007634	Thủ tục Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán (điều chỉnh)	Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán
6	1.007633	Thủ tục Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán (Cấp lần đầu)	Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán
7	1.007632	Thủ tục Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán
8	1.007631	Thủ tục Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán (điều chỉnh)	Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán
9	1.007475	Thủ tục Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán (Cấp mới)	Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Đơn vị giải quyết
10	1.007459	Thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán cho Chi nhánh doanh nghiệp kế toán nước ngoài tại Việt Nam	Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán
11	1.007456	Thủ tục đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán	Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán
12	1.007451	Thủ tục Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán (Cấp lần đầu)	Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán
13	1.007444	Thủ tục Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi kế toán viên hành nghề bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán	Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán
14	1.007441	Thủ tục Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi thay đổi tên của doanh nghiệp dịch vụ kế toán nơi kế toán viên hành nghề đăng ký hành nghề	Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán
15	1.007439	Thủ tục Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi kế toán viên thay đổi nơi làm việc hoặc nơi đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán	Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán
16	1.007437	Thủ tục Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán hết thời hạn	Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán
17	1.007435	Thủ tục Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán	Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán
18	1.007426	Thủ tục Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán (Cấp mới)	Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán
19	1.007423	Thủ tục xin hoãn giờ cập nhật kiến thức đối với kế toán viên hành nghề	Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Đơn vị giải quyết
20	1.007422	Thủ tục chấp thuận hội nghề nghiệp, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán đủ điều kiện tổ chức cập nhật kiến thức	Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán
21	3.000061	Thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam của doanh nghiệp dịch vụ kế toán nước ngoài	Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán
22	1.007639	Thủ tục Đăng ký tổ chức cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên	Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán
23	1.007638	Thủ tục Đăng ký tham gia kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng	Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán
24	1.007474	Thủ tục Đăng ký sửa đổi chế độ Kế toán theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa	Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán
25	1.007473	Thủ tục Đăng ký sửa đổi chế độ Kế toán theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp	Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán
III	Lĩnh vực Quản lý giá		
26	1.011500	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá	Cục Quản lý giá
IV	Lĩnh vực Tài chính ngân hàng		
27	3.000046	Thủ tục hướng dẫn về hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất cho các ngân hàng thương mại nhà nước do thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản.	Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính
28	1.007241	Thủ tục hướng dẫn hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất do thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp	Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Đơn vị giải quyết
29	2.002245	Hướng dẫn cơ chế hỗ trợ lãi suất do thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020	Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính
30	3.000044	Thủ tục cấp bù lãi suất do thực hiện chính sách cho vay ưu đãi lãi suất theo chương trình hỗ trợ các huyện nghèo tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ	Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính
31	3.000041	Thủ tục hướng dẫn cơ chế hỗ trợ lãi suất do thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản	Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính
32	3.000039	Thủ tục lập kế hoạch, tạm cấp bù, quyết toán cấp bù lãi suất thực hiện cho vay nhà ở xã hội.	Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính
33	3.000035	Thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xổ số	Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính
34	3.000027	Thủ tục đăng ký mới, duy trì hoặc loại bỏ tư cách nhà tạo lập thị trường	Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính
V	Lĩnh vực bảo hiểm		
35	1.012366	Chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm
36	1.012364	Phê chuẩn hoặc thay đổi phương pháp phân chia thặng dư trong bảo hiểm nhân thọ.	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm
37	1.012363	Đăng ký nguyên tắc tách nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn phí bảo hiểm.	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Đơn vị giải quyết
38	1.012362	Thực hiện (hoặc điều chỉnh, chấm dứt) hoạt động đầu tư ra nước ngoài.	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm
39	1.012361	Đăng ký phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ.	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm
40	1.012355	Thay đổi nội dung, phạm vi, thời hạn hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm
41	1.012365	Giải thể doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chấm dứt hoạt động chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam.	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm
42	1.012360	Chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm
43	1.012359	Đăng ký phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm
44	1.012358	Mở chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác tại nước ngoài của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm
45	1.012357	Mở, chấm dứt, thay đổi địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm
46	1.012356	Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức tổ chức hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm
47	1.012354	Chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp dẫn đến cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu 10% vốn điều lệ trở lên hoặc giảm xuống dưới 10% vốn điều lệ.	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Đơn vị giải quyết
48	1.012350	Tăng, giảm vốn điều lệ, vốn được cấp của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm
49	1.012348	Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chính của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm
50	1.012347	Gia hạn giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam.	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm
51	1.012346	Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam.	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm
52	1.012345	Bổ nhiệm, thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch Hội đồng thành viên), Tổng giám đốc (Giám đốc), Chuyên gia tính toán của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm
53	1.012344	Cấp giấy phép thành lập và hoạt động doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm
54	1.012343	Chi trả từ Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm
55	1.012341	Đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm
56	1.012340	Đề nghị cấp/cấp lại giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm
57	1.012339	Đăng ký/thay đổi phương pháp, cơ sở tính phí của sản phẩm bảo hiểm vi mô	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Đơn vị giải quyết
58	1.012337	Thành lập Hội đồng quản lý quỹ bảo hiểm xe Cơ giới	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm
59	1.012342	Đề nghị giải thể của tổ chức bảo hiểm tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm
60	1.012338	Thay đổi thành viên Hội đồng quản lý Quỹ bảo hiểm xe Cơ giới.	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm

BỘ TÀI CHÍNH

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BỘ TÀI CHÍNH KHÔNG TIẾP NHẬN TẠI
BỘ PHẬN MỘT CỬA CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 1423/QĐ-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Bộ Tài chính)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Đơn vị giải quyết
I	Lĩnh vực bảo hiểm		
1	1.011422	Chuyển đổi chứng chỉ đại lý bảo hiểm	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm
2	1.010389	Phúc khảo bài thi chứng chỉ đại lý bảo hiểm	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm
3	1.010392	Phúc tra bài thi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm, chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm
4	1.010390	Đăng ký thi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm, chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm
5	1.010387	Đăng ký kế hoạch thi chứng chỉ đại lý bảo hiểm	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm
6	2.002170	Phê chuẩn/thay đổi sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm
7	1.010373	Cấp phép thành lập và hoạt động tổ chức bảo hiểm tương hỗ	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm
8	1.010369	Chấp thuận DNBH triển khai bảo hiểm khai thác hải sản	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm
II	Lĩnh vực kế toán, kiểm toán		
9	1.007413	Đăng ký dự thi chứng chỉ kiểm toán viên đối với người đã có chứng chỉ kế toán viên	Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán
10	1.007412	Đăng ký dự thi sát hạch đối với người có chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kiểm toán viên nước ngoài	Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Đơn vị giải quyết
11	1.007411	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ kiểm toán viên hoặc chứng chỉ kế toán viên (đăng ký thi lại các môn chưa đạt hoặc thi tiếp các môn chưa thi)	Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán
12	1.007384	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ kế toán viên (đăng ký lần đầu)	Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán
13	1.007380	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ kiểm toán viên (đăng ký lần đầu)	Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán
III	Lĩnh vực quản lý công sản		
14	1.006222	Thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách hỗ trợ	Cục Quản lý công sản
15	1.006218	Thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước	Cục Quản lý công sản
16	1.005437	Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của tổ chức, cá nhân tham gia mua, thuê tài sản, nhận chuyển nhượng, thuê quyền khai thác tài sản công	Cục Quản lý công sản
17	1.005436	Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản	Cục Quản lý công sản
18	1.005429	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công	Cục Quản lý công sản
19	1.005419	Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư	Cục Quản lý công sản
IV	Lĩnh vực quản lý giá		
20	1.006239	Đăng ký giá của các doanh nghiệp thuộc danh sách đăng ký giá tại Bộ Tài chính.	Cục Quản lý giá
21	2.002216	Đăng ký dự thi cấp thẻ thẩm định giá các lần tiếp theo	Cục Quản lý giá

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Đơn vị giải quyết
22	1.006237	Đăng ký dự thi cấp thẻ thẩm định giá lần đầu đối với công dân Việt Nam.	Cục Quản lý giá
23	2.002215	Đăng ký dự thi sát hạch đối với người có Chứng chỉ hành nghề thẩm định giá do tổ chức nước ngoài có thẩm quyền cấp được Bộ Tài chính thừa nhận	Cục Quản lý giá
V	Lĩnh vực quản lý nợ		
24	1,009393	Thủ tục rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài theo hình thức rút vốn bổ sung Tài khoản tạm ứng hoặc báo cáo chi tiêu từ TKTU.	Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại
25	1,009392	Thủ tục rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài theo hình thức rút vốn lần đầu về tài khoản tạm ứng	Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại
26	1.009390	Thủ tục rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài theo hình thức rút vốn bằng L/C có thư cam kết.	Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại
27	1.009389	Thủ tục rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài theo hình thức thanh toán trực tiếp	Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại
28	1.009391	Thủ tục rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài theo hình thức Hoàn vốn.	Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại
29	1.009388	Thủ tục rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài theo hình thức rút vốn bằng thư tín dụng (L/C) từ tài khoản tạm ứng	Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại
30	1.009387	Thủ tục sửa đổi thư tín dụng (L/C) đối với trường hợp rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài theo hình thức rút vốn bằng L/C có thư cam kết	Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại
31	3.000077	Thủ tục rút vốn đối với phần vốn vay theo phương thức hỗ trợ ngân sách áp dụng đối với dự án “Tăng cường hệ thống trợ giúp xã hội Việt Nam” vay vốn Ngân hàng Thế giới	Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Đơn vị giải quyết
32	3.000071	Giải ngân từ Tài khoản tiếp nhận viện trợ về tài khoản thực hiện dự án thành phần đối với Dự án đảm bảo an ninh lương thực cho các nông dân bị thiệt thòi (2KR)	Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại
33	3.000067	Hướng dẫn thủ tục rút vốn bổ sung từ tài khoản đặc biệt vốn vay JICA cho Chương trình đào tạo vệ tinh cơ bản của Dự án ứng phó thiên tai và biến đổi khí hậu sử dụng vệ tinh quan sát trái đất (Dự án Trung tâm Vũ trụ Việt Nam)	Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại
34	3.000062	Hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính vốn vay (ODA) của Chính phủ Nhật Bản cho Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ (Dự án JICA2)	Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại
35	3.000060	Hướng dẫn thủ tục thanh toán từ tài khoản đặc biệt vốn vay JICA cho Chương trình đào tạo vệ tinh cơ bản của Dự án ứng phó thiên tai và biến đổi khí hậu sử dụng vệ tinh quan sát trái đất (Dự án Trung tâm Vũ trụ Việt Nam)	Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại
36	3.000059	Thủ tục Giải ngân vốn vay JICA cho hợp phần phát triển nguồn nhân lực và hợp phần dự án nghiên cứu thuộc Dự án Nâng cấp trường Đại học Cần Thơ.	Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại
37	3.000052	Chuyển nhượng, chuyển giao dự án, tài sản sau đầu tư của đối tượng được bảo lãnh	Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại
38	3,000051	Thế chấp một phần tài sản hình thành từ nguồn vốn được Chính phủ bảo lãnh cho bên thứ ba	Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại
39	3.000049	Chấp thuận ngân hàng phục vụ cho khoản vay, khoản phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh của doanh nghiệp	Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại
40	3.000048	Thẩm định cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ	Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Đơn vị giải quyết
41	3.000076	Quy trình thẩm định tài chính các chương trình, dự án vay lại từ nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ	Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại
42	3.000072	Quy trình cho vay lại từ nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ	Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại
43	3.000070	Hướng dẫn thủ tục giải ngân vốn vay JICA cho dự án Hỗ trợ và Phát triển Đào tạo Đại học và Sau Đại học về Công nghệ Thông tin và Truyền thông do Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản tài trợ	Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại
44	3.000069	Hướng dẫn cơ chế quản lý vốn vay cho chương trình Tín dụng chuyên ngành của Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật bản (JICA).	Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại
45	3.000068	Hướng dẫn quản lý tài chính đối với nguồn vốn vay Quỹ Kuwait và Quỹ Saudi	Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại
46	3.000064	Kiểm tra phương án xử lý các dự án có vướng mắc hoặc hoặc không trả được nợ vay.	Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại
47	3.000063	Hướng dẫn giải ngân và cơ chế tài chính đối với nguồn vốn tín dụng và viện trợ của Chính phủ Liên bang Nga cho Dự án Xây dựng nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1	Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại
48	3.000058	Cơ chế tài chính và Giải ngân đối với nguồn vốn tín dụng của ngân hàng đầu tư Châu Âu cho 2 Dự án Tuyến đường sắt đô thị thí điểm TPHN, đoạn Nhòn- Ga HN (Tuyến số 3) và Dự án Xây dựng Tuyến tàu điện ngầm số 2 TP HCM (Theo Thông tư số	Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại
VI	Lĩnh vực tài chính doanh nghiệp		
49	3.000213	Thủ tục xử lý miễn lãi các khoản lãi chậm nộp của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (cấp Trung ương)	Cục Tài chính doanh nghiệp
50	3.000203	Thủ tục thẩm định, chấp thuận chủ trương các khoản vay nước ngoài theo phương thức tự vay, tự trả dưới hình thức hợp đồng vay gắn với dự án đầu tư của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Cục Tài chính doanh nghiệp

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Đơn vị giải quyết
51	3.000187	Thủ tục chi hỗ trợ cấp bù 2 quỹ khen thưởng – phúc lợi cho các doanh nghiệp quốc phòng – an ninh	Cục Tài chính doanh nghiệp
52	1.007613	Thủ tục quyết toán kinh phí hỗ trợ	Cục Tài chính doanh nghiệp
53	1.007612	Thủ tục cấp phát kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị trực thuộc các Bộ, ngành	Cục Tài chính doanh nghiệp
54	1.007610	Thủ tục cấp phát kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị thuộc các Tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước	Cục Tài chính doanh nghiệp
55	1.007608	Thủ tục lập, tổng hợp, giao và phân bổ dự toán hỗ trợ kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị thuộc địa phương	Cục Tài chính doanh nghiệp
56	1.007581	Thủ tục lập, tổng hợp, giao và phân bổ dự toán hỗ trợ kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị trực thuộc Tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước	Cục Tài chính doanh nghiệp
VII	Lĩnh vực tài chính ngân hàng		
57	3.000258	Cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài	Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính
58	3.000040	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế	Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính
59	3.000038	Thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện	Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính
60	3.000037	Thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino	Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính
61	3.000032	Thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó	Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính
62	3.000029	Thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm	Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính